kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: TOÁN - LỚP 9

*Thời gian làm bài: **90 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 17/10/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: T9.CK1.033

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đường tròn tâm O, bán kính 117 cm. Đường thẳng l cách O một khoảng 45 cm và cắt đường tròn tại A, B. Một đường thẳng khác t song song với l và tiếp xúc đường tròn. Tính khoảng cách từ O đến đường thẳng tiếp tuyến t.

A. 45 cm **B.** 117 cm **C.** 234 cm **D.** 72 cm

Câu 2. Cho $U = \sqrt{72}, V = \sqrt{18}$ xét $F = \dfrac{54}{U - V}$ và $G = \dfrac{27}{U + V}$. Sau khi khử căn thức ở mẫu, viết $F = f\sqrt{2}$ và $G = g\sqrt{2}$. Khử căn thức ở mẫu và tìm hệ số f.

A. 27 **B.** 9 **C.** 18 **D.** 3

Câu 3. Giải phương trình $\dfrac{7(x-11)(x-18)}{x-11} = 0$. Tìm nghiệm được nhận của phương trình.

A. 11 **B.** 29 **C.** 18 **D.** 0

Câu 4. Gọi x_1, x_2 là hai nghiệm phương trình $x^2 - 26x + 168 = 0$. Không cần giải phương trình. Tính $x_1 x_2$.

A. 168 **B.** 13 **C.** -168 **D.** 26

Câu 5. Cho $E(x) = \sqrt{(x-8)^2} + 4$ với x thực. Dùng đẳng thức $\sqrt{u^2} = |\, u \,|$. Phương trình $E(x) = 7$ có hai nghiệm. Tính khoảng cách giữa chúng trên trục số.

A. 6 **B.** 3 **C.** 16 **D.** 11

Câu 6. Cho $A = -729$, $B = 216$ và $C = 125$. Dùng căn bậc ba thực. Tính $\sqrt[3]{A} + \sqrt[3]{B}$.

A. -15 **B.** 15 **C.** -513 **D.** -3

PHẦN II. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 7. Đồ thị hàm số $y = ax^2$ $(a > 0)$ đi qua điểm $M(5; 150)$. Hai điểm P,Q trên đồ thị có hoành độ lần lượt 2 và -2. Tính khoảng cách PQ.

Câu 8. In x bộ tài liệu (x nguyên không âm) tốn 48 nghìn đồng phí cố định và 6 nghìn đồng mỗi bộ. Ngân sách là 390 nghìn đồng. Lập bất phương trình và tìm số bộ tối đa.

Câu 9. Giải phương trình $x^2 - 24x + 119 = 0$. Tìm nghiệm lớn hơn.

Câu 10. Xét phương trình $4x + 4y = 28$ và chỉ xét nghiệm nguyên không âm. Một nghiệm bất kỳ được ký hiệu $(x; y)$. Đếm số nghiệm nguyên không âm của phương trình.

